

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ - TÀI CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Trần Thị Thu Hà¹, Hà Thị Phương Thảo²

¹Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

²Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tính khả thi của Đề án Phát triển Du lịch sinh thái Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030 về khía cạnh kinh tế và tài chính. Kết quả phân tích cho thấy Đề án này là một dự án đầu tư khả thi tuy nhiên, hiệu quả kinh tế không thực sự cao (IRR = 5,1%, NPV > 0 ở mức chiết khấu 5%) do phải đầu tư vào nhiều hạng mục phục vụ chủ yếu cho mục đích quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chỉ phục vụ một phần cho du lịch sinh thái, chẳng hạn như đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường dân sinh quanh khu vực Vườn quốc gia. Ngược lại, hiệu quả tài chính của Đề án rất khả quan (IRR = 63,4%, NPV > 0 ở cả 3 mức chiết khấu 5%, 7% và 10%, mức lãi ròng giao động trong khoảng 2,5 - 3,7 tỷ đồng/năm) do vốn đầu tư từ nguồn thu của đơn vị chỉ chiếm gần 30% tổng nhu cầu vốn và đầu tư trực tiếp vào các hạng mục phục vụ du lịch sinh thái tại khu vực trung tâm vườn. Các phân tích về độ nhạy khác cũng cho thấy, ngay cả khi doanh thu du lịch chỉ đạt 80% dự kiến thì hiệu quả tài chính của Đề án vẫn tương đối tốt (NPV > 0 ở cả 3 mức chiết khấu, lãi ròng giao động trong khoảng 1,2 - 1,9 tỷ đồng/năm) và chỉ không thể hoàn vốn trong khung thời gian phân tích nếu không thể huy động được trên 70% nguồn vốn dự kiến từ ngân sách Nhà nước và phải dùng nguồn thu của đơn vị để bù vào.

Từ khóa: Du lịch sinh thái, Vườn quốc gia Cát Tiên, hiệu quả kinh tế - tài chính

Financial and economic analysis for Cat Tien National Park Ecotourism Plan in the period of 2021 - 2030

This study was carried out to evaluate the economic and financial viability of the Ecotourism Development Plan of Cat Tien National Park in the period of 2021 - 2030 (hereafter known as the Plan). The analysis results showed that the Plan is a feasible investment project, however, its economic efficiency is not too promising (with the IRR of 5.1% and the NPV>0 at the discount rate of 5%), mostly due to the large investments in multi-purpose facilities which mainly serve for forest protection and local socio-economic development activities and partly serve for ecotourism development (i.e., investment in building, upgrading and maintaining civil roads around the Park). On the contrary, the financial analysis showed a much better outcome (with the IRR=63.4%, NPV>0 at all three selected discount rates and the net profit ranging from VND 2.5 - 3.7 billion per year). This can be explained that: the investment capital from the Park's self-financing revenue only accounts for nearly 30% of the total planned investment cost and is planned to invest directly in the tourism development in the central area of the Park. The sensitivity analysis results showed that even in the case the the tourism revenue in the period of 2021 - 2030 only reaches 80% of the expected amount, the financial efficiency of the Plan is relatively good (with NPV>0 at all three selected discount rates and the net profit ranging from VND 1.2. - 1.9 billion per year). The only risk posed to the Plan, which makes it no longer feasible in term of financial efficiency, is that the Park can not mobilize up to 70% of the planned investment capital from the state budget, therefore, must use its self-financing revenue to fill in the gap.

Keywords: Eco-tourism, Cat Tien National Park, financial, economic and financial viability

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với tổng diện tích 71.187,9 ha, nằm trên địa phận ba tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước và Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên là một trong những Vườn quốc gia (VQG) quan trọng bậc nhất của Việt Nam. Không chỉ là nơi sinh sống của nhiều loài động, thực vật quý hiếm có tên trong Sách Đỏ của tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN), các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, của VQG Cát Tiên còn tham gia tích cực vào việc điều tiết khí hậu, kiểm soát lũ lụt, duy trì nguồn nước cho Nhà máy thủy điện Trị An và cung cấp nước ngọt cho các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2001, VQG Cát Tiên đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới, riêng khu vực Bàu Sấu đã được Ban thư ký công ước Ramsar công nhận là vùng đất ngập nước quan trọng của thế giới và là trung tâm nghiên cứu khoa học tầm cỡ quốc tế. Bên cạnh đó, VQG Cát Tiên còn là một điểm đến vô cùng hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế với cảnh quan đẹp và các giá trị lịch sử, văn hoá độc đáo. Ngày 27/09/2012, VQG Cát Tiên đã được Chính phủ Việt Nam xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt.

Trong khuôn khổ dự án Bảo tồn, sử dụng bền vững Đa dạng sinh học và các Dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam (Conservation, Sustainable Use of Forest Biodiversity and Ecosystem Services Project) do tổ chức GIZ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) phối hợp triển khai, tổ chức UNIQUE forestry and land-use GmbH đã tiến hành xây dựng Đề án Phát triển Du lịch sinh thái Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030 (gọi tắt là Đề án) nhằm hỗ trợ VQG Cát Tiên trong việc khai thác tốt nhất tài nguyên du lịch sẵn có của Vườn. Đề án có mục tiêu: tăng cường nguồn thu từ sinh thái, đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đóng góp tích cực cho công tác quản lý rừng bền vững, tạo ra một thương hiệu mạnh cho Vườn trên bản đồ du lịch trong nước

và trong khu vực. Để đạt được mục tiêu này, Đề án đã đưa ra 11 nhóm giải pháp và 36 hạng mục đầu tư.

Phân tích hiệu quả kinh tế, tài chính của Đề án Phát triển du lịch sinh thái VQG Cát Tiên đến năm 2030 được thực hiện nhằm xem xét tính khả thi của Đề án dưới góc độ kinh tế và tài chính đối với Ban quản lý (BQL) VQG Cát Tiên, qua đó, hỗ trợ cho BQL VQG Cát Tiên và các bên liên quan trong việc thẩm định và phê duyệt Đề án này.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các thông tin, số liệu được sử dụng để phân tích được thu thập qua các tài liệu thứ cấp và bản Đề án do dự án MARD/GIZ-Bio Project cung cấp. Trong trường hợp thiếu thông tin, số liệu cần thiết, nghiên cứu sử dụng các giả định hoặc chuyển giao thông tin, dữ liệu từ các đề án/dự án có độ tương đồng cao với Đề án.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng 3 chỉ số chính trong phân tích dự án đầu tư gồm: Giá trị hiện tại ròng (Net Present Value - NPV). Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (Internal Rate of Return - IRR) và Thời gian hoàn vốn (Payback period - PP)

Chỉ số NPV phản ánh giá trị hiện tại của dòng lợi ích ròng do dự án đầu tư mang lại. Chỉ số này được tính bằng cách chiết khấu dòng lợi ích ròng do dự án tạo ra trong khoảng thời gian phân tích về giá trị tại thời điểm gốc được chọn (thường là thời điểm thực hiện phân tích). Nếu chỉ số NPV > 0, dự án đầu tư nên được xem xét triển khai. Công thức tính chỉ số NPV như sau:

$$NPV = \sum_{t=0}^T \frac{B_t - C_t}{(1+r)^t}$$

Trong đó: *NPV*: Giá trị hiện tại ròng
r: Tỷ lệ chiết khấu kinh tế hoặc tài chính phù hợp
T: Số năm dự án vận hành
B_t: Lợi nhuận của dự án tại năm thứ *t*
C_t: Chi phí của dự án tại năm thứ *t*

Chỉ số IRR là tỷ lệ chiết khấu mà tại đó giá trị hiện tại ròng của tất cả các dòng tiền bằng 0. IRR thể hiện tỷ lệ sinh lời kỳ vọng hàng năm của dự án. Nếu IRR của dự án lớn hơn chi phí vốn thực hiện dự án thì dự án nên được xem xét triển khai. Theo định nghĩa, IRR là tỷ lệ chiết khấu r^* mà tại đó:

$$NPV = \sum_{t=0}^T \frac{B_t - C_t}{(1 + r^*)^t} = 0$$

Trong đó:

r : Tỷ lệ chiết khấu kinh tế hoặc tài chính tại đó $NPV = 0$;

T : Số năm dự án vận hành;

B_t : Lợi nhuận của dự án tại năm thứ t ;

C_t : Chi phí của dự án tại năm thứ t .

Chỉ số thời gian hoàn vốn PP cho biết khoảng thời gian cần thiết để dự án tạo ra dòng tiền thuần bằng chính số vốn đầu tư ban đầu để thực hiện dự án. Chỉ số PP càng nhỏ, dự án thu hồi vốn càng nhanh, do đó, dự án nên được xem xét triển khai. Công thức tính PP như sau:

$$PP = \frac{\text{Vốn đầu tư ban đầu}}{\text{Dòng tiền thuần tạo ra hàng năm}}$$

Nếu dự án đầu tư không tạo ra dòng tiền thuần đều đặn thì PP được xác định bằng cách tính số vốn đầu tư còn phải thu hồi ở cuối năm lần lượt theo thứ tự:

$$\text{Vốn đầu tư còn phải thu hồi ở cuối năm } t = \text{Số vốn đầu tư chưa thu hồi ở cuối năm } (t-1) - \text{Dòng tiền thuần của dự án đầu tư năm thứ } t$$

Phân tích hiệu quả kinh tế và phân tích hiệu quả tài chính của Đề án tùy cùng sử dụng các chỉ số NPV, IRR và PP để đánh giá, tuy nhiên, về bản chất, phân tích hiệu quả kinh tế và phân tích hiệu quả tài chính có sự khác biệt nhất định. Phân tích hiệu quả kinh tế là phân tích hiệu quả dòng tiền trên quan điểm của nền kinh tế - xã hội. Trong khi đó, phân tích hiệu quả tài chính là phân tích hiệu quả của dòng tiền trên quan điểm của chủ đầu tư (cụ thể là BQL VQG Cát Tiên). Do đó, thông tin đầu vào sử dụng trong mỗi loại phân tích là khác nhau và được tóm tắt trong bảng 1.

Bảng 1. Đầu vào cho các phân tích kinh tế và tài chính

Phân tích hiệu quả kinh tế		Phân tích hiệu quả tài chính	
Lợi ích	Chi phí	Lợi ích	Chi phí
Doanh thu từ phí bán vé vào cửa và các loại phí khác áp dụng cho khách du lịch	Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản	Doanh thu từ phí bán vé vào cửa và các loại phí khác áp dụng đối với khách du lịch	Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản
Doanh thu từ các dịch vụ du lịch (như vận chuyển, lưu trú, hướng dẫn viên, v.v...)	Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	Doanh thu từ các dịch vụ du lịch (như vận chuyển, lưu trú hướng dẫn viên v.v...)	Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng du lịch
Các khoản quyên góp tự nguyện từ khách du lịch	Chi phí đào tạo, phát triển nhân lực phục vụ du lịch	Các khoản quyên góp tự nguyện từ khách du lịch (nếu có)	Chi phí đào tạo, phát triển nhân lực phục vụ du lịch
Các khoản thu từ việc liên doanh, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch khác trong phạm vi VQG (ví dụ: thực phẩm, quà lưu niệm, v.v...)	Chi phí quảng bá du lịch	Các khoản thu từ việc liên doanh, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch khác trong phạm vi VQG (ví dụ: thực phẩm, quà lưu niệm, v.v...)	Chi phí quảng bá du lịch
	Các lợi ích mất đi do phát triển cơ sở hạ tầng cho du lịch làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nếu có)	Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn khác hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch	Các lợi ích mất đi do phát triển cơ sở hạ tầng cho du lịch làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nếu có)
	Các khoản chi phí khác (nếu có)		Nộp ngân sách Nhà nước (10% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh du lịch)
			Các khoản bù trừ do giảm ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng
			Các khoản chi phí khác (nếu có)

Bên cạnh việc tính toán các chỉ số NPV, IRR và PP, nghiên cứu còn thực hiện các phân tích độ nhạy bằng cách thay đổi các thông số đầu vào như tỷ lệ chiết khấu hay các giả định về sự thay đổi liên quan đến thời gian lưu trú và mức chi tiêu của khách du lịch. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ chiết khấu nền được lấy ở mức 7%, tương đương với lãi suất vốn vay bình quân của các Ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020 theo số liệu phân tích của Ngân hàng thế giới. Ngoài ra, khi phân tích độ nhạy, nghiên cứu cũng sử dụng 2 tỷ lệ chiết

khấu khác là 5% (tương đương với mức lãi suất ưu đãi cho các khoản vay ngắn hạn dưới 24 tháng của một số ngân hàng thương mại và các gói tín dụng hỗ trợ các đơn vị kinh doanh du lịch của Chính phủ tại thời điểm cuối năm 2021) và 10% (tương đương với mức lãi suất vốn vay của một số ngân hàng thương mại áp dụng cho các khoản vay từ 5 năm trở lên tại thời điểm cuối năm 2021, đồng thời, đây cũng là mức lãi suất vốn vay bình quân giai đoạn 2011 - 2020 tại Việt Nam do Ngân hàng Thế giới công bố).

Bảng 2. Lãi suất vốn vay của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Lãi suất (%)	16,95	13,47	10,37	8,67	7,12
Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Lãi suất (%)	6,96	7,07	7,37	7,71	7,65

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (<https://data.worldbank.org/indicator/FR.INR.LEND?locations=VN>)

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Chi phí thực hiện Đề án

Đề án được xây dựng với tầm nhìn đưa VQG Cát Tiên trở thành điểm đến du lịch hàng đầu khu vực Đông Nam Á và là đơn vị tiêu biểu và tiên phong trong việc tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, giáo dục thiên nhiên tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, Đề án đã đề đưa ra các đề xuất: (i) phát triển hạ tầng cơ bản; (ii) phát triển hạ tầng du lịch, (iii) tăng cường trang thiết bị phục vụ du lịch, (iv) nâng cao năng lực cho cán bộ, công nhân viên trong lĩnh vực du lịch và (v) tăng cường quảng bá, tiếp thị du lịch với 36 hạng mục đầu tư với tổng nhu cầu vốn cho giai đoạn 2022 - 2030 là

152.375 triệu đồng. Đề án cũng đề xuất nguồn vốn đầu tư cho du lịch sẽ được huy động từ 3 nguồn gồm: (i) ngân sách Nhà nước (ưu tiên cho phần cơ sở hạ tầng đa chức năng, vừa phục vụ công tác quản lý rừng bền vững, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch), (ii) nguồn thu của VQG Cát tiên (ưu tiên cho phần hạ tầng du lịch tại khu vực trung tâm Vườn, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cho đội ngũ cán bộ) và (iii) nguồn khác (ưu tiên cho các hạng mục đầu tư về cơ sở hạ tầng du lịch nằm ngoài khu vực trung tâm Vườn, trang thiết bị du lịch).

Thông tin về nhu cầu vốn theo năm và theo chủ thể được tóm tắt trong bảng 3 và 4 dưới đây:

Bảng 3. Nhu cầu vốn đầu tư theo năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Giai đoạn 2021 - 2025						Giai đoạn 2026 - 2030
	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng	
Nhu cầu vốn	0	23.880	21.215	30.815	29.215	105.125	47.250

Nguồn: Đề án phát triển du lịch sinh thái VQG Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030

Bảng 4. Nhu cầu vốn đầu tư theo chủ thể

Đơn vị tính: triệu đồng

Giai đoạn	Ngân sách nhà nước		Nguồn thu của đơn vị		Nguồn khác	
	2021 - 2025	2026 - 2030	2021 - 2025	2026 - 2030	2021 - 2025	2026 - 2030
Nhu cầu vốn	57.800	31.000	28.025	15.050	19.300	1.200
Tổng	88.800		43.075		20.500	

Nguồn: Đề án phát triển du lịch sinh thái VQG Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030

3.2. Doanh thu dự kiến từ việc thực hiện Đề án

Do ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, lượng khách quốc tế đến VQG Cát Tiên bị sụt giảm mạnh gây ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu du lịch của Vườn, vì mặc dù chỉ chiếm chưa đầy 25% tổng lượng khách nhưng mức chi của nhóm khách du lịch quốc tế (đặc biệt là nhóm khách lưu trú) cao hơn hẳn so với nhóm khách du lịch trong nước và đóng góp tới gần 50% vào tổng doanh thu du lịch. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid, Trung tâm Thông tin du lịch (thuộc Tổng cục Du lịch Việt Nam) dự báo lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chỉ có thể về bằng mức năm 2019 vào năm 2024 hoặc muộn hơn do cần thời gian để kiểm soát dịch bệnh, ổn định tình hình, áp dụng mô hình hộ chiếu vắc-xin và phối hợp hành động ở cả quy mô trong nước và quốc tế. Dự báo này phù hợp với các phân tích của nhóm tác giả Margaux Constantin *et al.* (2021).

Theo kế hoạch của Bộ Y tế (2021), đến hết quý I/2022, 70% dân số Việt Nam sẽ được tiêm chủng vắc-xin Covid-19, đạt được miễn dịch cộng đồng, đưa cuộc sống trở lại trạng thái bình thường. Theo kịch bản tốt nhất, các hoạt động du lịch trong nước sẽ sôi động trở lại sau một thời gian dài cả nước thực hiện phong tỏa và giãn cách. Nhu cầu du lịch trong nước sẽ phục hồi và gia tăng nhanh vì một lượng đáng kể khách du lịch chưa thể ra nước

ngoài sẽ chuyển hướng về du lịch trong nước. Như vậy, có thể dự báo về du lịch của Cát Tiên như sau:

- Du lịch Cát Tiên sẽ dần phục hồi sau khi Việt Nam đã đạt được miễn dịch cộng đồng và các lệnh phong tỏa được dỡ bỏ vào quý I/2022, trùng với mùa du lịch năm 2022.
- Giai đoạn 2022 - 2024: Năm 2022, lượng khách trong nước và quốc tế sẽ tương đương với 80% lượng khách trong nước và quốc tế của năm 2020 do thời điểm đạt được miễn dịch cộng đồng (cuối quý I/2022) trùng với thời điểm Việt Nam vừa vượt qua đợt dịch bùng phát lần thứ 2 (quý I/2020). Năm 2023, lượng khách du lịch trong nước có thể tăng 10% so với năm 2022 do một bộ phận khách trong nước chưa thể bay ra nước ngoài nên chuyển hướng tới du lịch trong nước. Trong khi đó, lượng khách quốc tế có thể tăng 30% do Việt Nam đã hoàn thành chương trình thí điểm đối với hộ chiếu vắc-xin, tạo điều kiện tốt cho khách du lịch quốc tế quay trở lại Việt Nam. Đến năm 2024, lượng khách du lịch trong nước và quốc tế tương đương với mức của năm 2019 do một bộ phận khách trong nước sẽ chuyển hướng sang du lịch quốc tế, ngược lại, nhiều khách du lịch quốc tế có thể lựa chọn Việt Nam là điểm đến hơn. Cũng trong giai đoạn này, VQG Cát Tiên mới bắt đầu triển khai các hoạt động phát triển du lịch nên số lượng khách lưu trú về cơ bản vẫn tương đương như giai đoạn 2016 - 2020.

Ngoài ra, do du lịch mới phục hồi nên giá của các dịch vụ có thể giữ nguyên hoặc giảm nhẹ so với trước khi xảy ra đại dịch, do đó, mức chi tiêu của khách vẫn tương đương với mức chi tiêu trung bình giai đoạn 2016 - 2020.

- **Giai đoạn 2025 - 2030:** Giai đoạn này, du lịch trong nước và quốc tế có thể được khôi phục hoàn toàn và trở về trạng thái cân bằng như trước khi có dịch. Tỷ lệ khách trong nước và quốc tế sẽ tiếp tục gia tăng ở mức 15% và 10%/năm (tương đương với mức tăng trung bình của giai đoạn trước nhưng có tính đến các yếu tố rủi ro về dịch bệnh, thiên tai, v.v., đồng thời, có cân nhắc đến mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh du lịch và mục tiêu quản lý bền vững các hệ sinh thái tại VQG Cát Tiên). Trong giai đoạn này, việc đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho du lịch cũng

đã cơ bản hoàn thành, tuy nhiên tỷ lệ khách lưu trú phụ thuộc vào cách thức đầu tư mà VQG Cát Tiên lựa chọn (tự đầu tư và liên danh, liên kết). Bên cạnh đó, VQG Cát Tiên có thể sẽ cân nhắc áp dụng các mô hình giá mới tương xứng với mức độ hoàn thiện về cơ sở vật chất và dịch vụ du lịch.

Dựa trên các thông tin về lượng khách du lịch, tỷ lệ khách du lịch trong nước/quốc tế, tỷ lệ khách lưu trú trong nước/quốc tế, chi phí bình quân của khách du lịch trong nước/quốc tế lưu trú/không lưu trú, dự báo về hiệu quả của các hoạt động đầu tư trong dự án (giúp tăng số lượng cơ sở lưu trú chất lượng cao lên 35% và tăng mức chi tiêu trung bình của khách du lịch tăng 20% trong giai đoạn 2025 - 2030), doanh thu du lịch dự kiến của Đề án được ước tính như sau:

Bảng 5. Dự báo doanh thu du lịch giai đoạn 2022 - 2030

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Doanh thu từ khách nội địa đi trong ngày	5.268	5.941	5.964	7.078	9.416	11.184	13.218	15.557	18.247
Doanh thu từ khách nội địa lưu trú	4.040	4.040	4.040	4.040	6.545	6.545	6.545	6.545	6.545
Doanh thu từ khách quốc tế đi trong ngày	1.584	2.349	4.981	5.576	7.070	7.934	8.884	9.929	11.079
Doanh thu từ khách quốc tế lưu trú	3.291	3.291	3.291	3.291	5.331	5.331	5.331	5.331	5.331
Tổng	14.182	15.621	18.276	19.985	28.362	30.994	33.978	37.363	41.202

3.3. Hiệu quả kinh tế, tài chính của Đề án

3.3.1. Hiệu quả kinh tế của Đề án

Hiệu quả kinh tế của Đề án được ước tính dựa trên dòng tiền ra (gồm nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và nguồn thu của VQG và chi phí vận hành hoạt động du lịch) và dòng tiền vào (doanh thu dự kiến từ hoạt động kinh doanh du

lịch). Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế cho thấy Đề án không phải là một dự án đầu tư mang lại lợi nhuận tốt về mặt kinh tế trong khung thời gian phân tích. Nguyên nhân chủ yếu là do rất nhiều hạng mục đầu tư (đặc biệt là phần cơ sở hạ tầng) đòi hỏi mức đầu tư rất lớn nhưng chỉ phục vụ một phần nhỏ cho du lịch, phần lớn là cho công tác quản lý, bảo vệ

rừng và an sinh xã hội. Tuy nhiên, các khoản đầu tư ban đầu này sẽ được hoàn vốn toàn bộ vào năm 2030. Lợi ích lâu dài của các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng phát huy ở giai đoạn sau năm 2030 cùng với sự gia tăng về doanh thu lợi.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của Đề án*Đơn vị tính: triệu đồng*

	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Tổng doanh thu	14.182	15.621	18.276	19.985	28.362	30.994	33.978	37.363	41.202
Doanh thu từ hoạt động du lịch	14.182	15.621	18.276	19.985	28.362	30.994	33.978	37.363	41.202
Tổng chi phí	26.753	21.563	34.025	30.709	20.555	21.608	22.801	24.155	25.691
Chi phí đầu tư phát triển du lịch	21.080	15.315	26.715	22.715	9.210	9.210	9.210	9.210	9.210
Chi phí vận hành (40% doanh thu)	5.673	6.248	7.310	7.994	11.345	12.398	13.591	14.945	16.418
Doanh thu ròng	(12.571)	(5.942)	(15.750)	(10.724)	7.807	9.387	11.177	13.208	15.511
NPV (r = 5%)	213								
NPV (r = 7%)	(3.070)								
NPV (r = 10%)	(6.875)								
IRR	5,1%								
Thời gian hoàn vốn	(12.571)	(18.513)	(34.262)	(44.986)	(37.179)	(27.793)	(16.615)	(3.408)	12.103

3.3.2. Hiệu quả tài chính của Đề án

Hiệu quả tài chính của đề án được phân tích dựa trên doanh thu dự kiến. Tuy nhiên, phần chi phí còn có thêm khoản nợ ngân sách Nhà nước (tương đương với 10% doanh thu hàng năm) và khoản bổ sung cho phần ngân sách của Nhà nước cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học (tương đương với khoảng 12% doanh thu hàng năm).

Kết quả phân tích hiệu quả tài chính cho thấy, Đề án có hiệu quả tài chính tương đối tốt với mức lợi nhuận ròng dao động trong khoảng

23,1 - 33,1 tỷ đồng (tương đương với 2,5 - 3,7 tỷ đồng/năm) cho giai đoạn 2022 - 2030, IRR = 64,3% và khả năng hoàn vốn của VQG Cát Tiên có thể đạt được ngay từ những tháng đầu tiên của năm 2025.

Kết quả phân tích độ nhạy cho thấy trong trường hợp doanh thu du lịch chỉ đạt 80% so với dự kiến thì hiệu quả tài chính khá tốt cho VQG Cát Tiên với mức lợi nhuận ròng thấp nhất là 12,4 - 19,3 tỷ đồng cho giai đoạn 2023 - 2030. Tuy nhiên, thời gian hoàn vốn chậm thêm 1 năm (năm 2026).

Bảng 7. Hiệu quả tài chính của Đề án*Đơn vị tính: triệu đồng*

	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Tổng doanh thu	14.182	15.621	18.276	19.985	28.362	30.994	33.978	37.363	41.202
Doanh thu từ hoạt động du lịch	14.182	15.621	18.276	19.985	28.362	30.994	33.978	37.363	41.202
Tổng chi phí	14.873	20.200	19.046	16.106	20.594	22.227	24.077	26.175	28.555
Chi phí đầu tư phát triển du lịch	6.080	10.515	7.715	3.715	3.010	3.010	3.010	3.010	3.010
Chi phí hoạt động	5.673	6.248	7.310	7.994	11.345	12.398	13.591	14.945	16.481
Nộp ngân sách nhà nước	1.418	1.562	1.828	1.998	2.836	3.099	3.398	3.736	4.120
Bổ sung ngân sách nhà nước cho QL BVR	1.702	1.875	2.193	2.398	3.403	3.719	4.077	4.484	4.944
Doanh thu ròng	(691)	(4.579)	(770)	3.879	7.768	8.768	9.902	11.188	12.647
NPV (r=5%)	33.106								
NPV (r=7%)	28.623								
NPV (r=10%)	23.095								
IRR	64.3%								
Thời gian hoàn vốn	(691)	(5.270)	(6.040)	(2.161)	5.607	14.375	24.277	35.464	48.111

IV. KẾT LUẬN

Các kết quả phân tích đề án Phát triển du lịch sinh thái VQG Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030 cho thấy đây là một dự án đầu tư khả thi cả về mặt kinh tế và tài chính. Kết quả phân tích độ nhạy cho thấy rủi ro lớn nhất có thể có đối với việc triển khai Đề án này là chỉ huy động được dưới 70% nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và phải sử dụng nguồn thu của đơn vị để bù đắp vào khoản thiếu hụt. Khi đó NPV < 0 và dự án đầu tư không có khả năng hoàn vốn trong

thời kỳ phân tích. Tuy nhiên, khả năng xảy ra rủi ro này là thấp do các hạng mục cần đầu tư từ ngân sách Nhà nước đều là các đối tượng được ưu tiên cấp vốn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong trường hợp được cấp trên 70% nguồn kinh phí dự kiến từ ngân sách Nhà nước, việc triển khai Đề án là một hoạt động đầu tư có lợi cho Vườn vì chắc chắn doanh thu ròng của Đề án sẽ là một số dương ngay từ những năm đầu tiên của giai đoạn 2026 - 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, 2021. Kế hoạch truyền thông chiến dịch tiêm vắc-xin phòng Covid-19 2021 - 2022, Kế hoạch số 1063/KH-BYT ngày 16 tháng 7 năm 2021, Hà Nội, Việt Nam.
2. Dự án MARD/GIZ-Bio, 2021. Đề án Phát triển Du lịch sinh thái Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2021 - 2030, Hà Nội.
3. Margaux C., Matthieu F. và Thao L., 2021. Reimagining tourism: How Vietnam can accelerate travel recovery. McKinsey & Company, Dubai, accessed in September 6, 2021 at <https://www.mckinsey.com/featured-insights/asia-pacific/reimagining-tourism-how-vietnam-can-accelerate-travel-recovery>

Email tác giả liên hệ: ha.tt@rcfee.org.vn

Ngày nhận bài: 17/11/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/12/2021

Ngày duyệt đăng: 22/12/2021